

CÁC THANG ĐÁNH GIÁ TRÍ TUỆ TRONG TÂM THẦN HỌC HIỆN ĐẠI

I. Cấu trúc đa nhân tố (multi-factor structure) và tiêu chuẩn Wechsler trong đánh giá trí tuệ trẻ em và vị thành niên

Đánh giá trí tuệ (Intelligence Assessment) trong tâm thần học lâm sàng đã trải qua một sự chuyển dịch mô hình căn bản trong thập niên gần đây, chuyển từ sự tập trung vào chỉ số IQ tổng thể (G) sang việc phân tích chi tiết hồ sơ nhận thức đa chiều. Sự chuyển dịch này được định hình bởi sự chấp nhận rộng rãi của Lý thuyết Cattell-Horn-Carroll (CHC), vốn phân loại trí tuệ thành các khả năng phổ rộng (Broad Abilities) và khả năng hẹp (Narrow Abilities). Các thang đo hiện đại nhất, như Thang đo Trí tuệ Wechsler dành cho Trẻ em, Phiên bản thứ Năm (WISC-V, 2014) và Woodcock-Johnson IV COG (WJ IV COG, 2014), là minh chứng rõ ràng cho sự tích hợp mô hình CHC, cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn nhiều so với các phiên bản tiền nhiệm.

WISC-V, với tư cách là tiêu chuẩn vàng, đã được tái cấu trúc để cung cấp 5 chỉ số cốt lõi – Hiểu Lời nói (VCI, đo lường Gc), Lý luận Linh hoạt (FRI, đo lường Gf), Thị giác - Không gian (VSI, đo lường Gv), Trí nhớ Làm việc (WMI, đo lường Gwm), và Tốc độ Xử lý (PSI, đo lường Gs). Sự tách biệt VSI khỏi FRI (trước đây là PRI) là một bước tiến quan trọng, cho phép đánh giá chuyên sâu hơn về khả năng xử lý hình ảnh không gian mà không bị trộn lẫn với các yếu tố lý luận trừu tượng. Trong lâm sàng tâm thần nhi, sự phân tích các chỉ số này là tối quan trọng: sự khác biệt đáng kể giữa WMI/PSI thấp và VCI/FRI cao là mô hình thường gặp ở Rối loạn Tăng động Giảm chú ý (ADHD), chỉ ra khiếm khuyết trong chức năng điều hành (Executive Functioning) và hiệu quả nhận thức (Weiss et al., 2016, Tài liệu 1). Ngược lại, việc suy giảm đồng đều toàn bộ hồ sơ nhận thức củng cố chẩn đoán Chậm Phát triển Trí tuệ (Intellectual Disability).

Trong khi đó, WJ IV COG cung cấp sự tích hợp chc sâu rộng nhất, đo lường tới 9 khả năng phổ rộng (bao gồm cả khả năng thính giác - Ga và thu hồi dài hạn - Gr), khiến nó trở nên vượt trội trong việc chẩn đoán rối loạn học tập chuyên biệt (specific learning disability), vốn đòi hỏi sự liên kết chặt chẽ giữa khả năng nhận thức và thành tích học tập. Bên cạnh mô hình CHC, hệ thống đánh giá nhận thức phiên bản thứ hai (cas2, 2014) duy trì một khung lý thuyết đối lập: mô hình PASS (planning, attention, simultaneous, successive), dựa trên các khối chức năng của luria. CAS2 trực tiếp đo lường các quá trình xử lý cơ bản, với chỉ số planning và attention được coi là nhạy cảm hơn trong việc đánh giá chức năng điều hành, cung cấp một sự thay thế chẩn đoán khi cần tập trung vào các khiếm khuyết xử lý hơn là các khả năng học được (das, naglieri, & kirby, 2018, tài liệu 2). Sự tồn tại song song

của các thang đo dựa trên CHC và PASS cho phép nhà lâm sàng lựa chọn công cụ phù hợp nhất dựa trên giả thuyết chẩn đoán ban đầu.

II. Mở Rộng Phạm Vi Đánh Giá: Các Thang Đo Chuyên biệt, Phi Ngôn ngữ và Sàng lọc

Bên cạnh các thang đo đa diện, các công cụ chuyên biệt đóng vai trò không thể thiếu trong việc xử lý các tình huống lâm sàng phức tạp. Những công cụ này cho phép nhà lâm sàng xác định các thành phần trí tuệ cốt lõi hoặc sàng lọc phát triển ở các nhóm dân số đặc biệt. Trắc Nghiệm Ma Trận Cấp Tiến RAVEN (RPM) là thước đo kinh điển của Trí tuệ Lỏng (Gf). Là một bài test hoàn toàn phi ngôn ngữ và tương đối độc lập với văn hóa, RAVEN được sử dụng rộng rãi như một công cụ sàng lọc nhanh và là thước đo đáng tin cậy về khả năng lý luận trừu tượng phi ngôn ngữ. Giá trị của nó nằm ở việc cung cấp một "mức độ tham chiếu" (Hold Measure) về tiềm năng nhận thức cốt lõi, đặc biệt hữu ích khi đánh giá trẻ em có rào cản ngôn ngữ nghiêm trọng hoặc nền tảng giáo dục không đồng đều (Raven, 2000, Tài liệu 3). Sự khác biệt đáng kể giữa điểm RAVEN cao và điểm VCI thấp trong WISC-V có thể là dấu hiệu của rối loạn ngôn ngữ tiếp nhận, thay vì chậm phát triển trí tuệ toàn diện.

Tương tự, Thang Đo Trí tuệ Phi Ngôn ngữ Đa chiều (NEMI-2) là một công cụ toàn diện nhưng tập trung vào các bài tập dựa trên hình ảnh và thao tác. NEMI-2 là lựa chọn tối ưu khi đánh giá trẻ em mắc Rối loạn Phổ Tự kỷ (ASD) có kèm theo khiếm khuyết ngôn ngữ, hoặc các trường hợp khó đánh giá bằng WISC-V do không tuân thủ quy trình lời nói. Tuy nhiên, việc sử dụng NEMI-2 và RAVEN luôn phải được bổ sung bằng các thang đo đa diện để tránh bỏ sót các khiếm khuyết trong Trí nhớ Làm việc và Tốc độ Xử lý.

Đối với lứa tuổi nhỏ nhất, thang Sàng lọc phát triển Denver II (Denver II) đóng vai trò cửa ngõ sàng lọc thiết yếu. Denver II không đo chỉ số IQ, mà là một công cụ sàng lọc các mốc phát triển ở 4 lĩnh vực chính (cá nhân - xã hội, vận động tinh, ngôn ngữ, vận động thô) cho trẻ từ sơ sinh đến 6 tuổi (Frankenburg et al., 1992, Tài liệu 4). Việc xác định sớm sự chậm trễ phát triển (developmental delay) bằng Denver II là bước đầu tiên để chuyên gia tâm thần đưa ra chỉ định đánh giá nhận thức chuyên sâu hơn bằng các công cụ như WPPSI (Wechsler Preschool and Primary Scale of Intelligence), đảm bảo can thiệp sớm và kịp thời. Sự phân biệt rõ ràng giữa công cụ sàng lọc (Denver II) và công cụ chẩn đoán (WISC-V/WPPSI) là nguyên tắc cốt lõi trong thực hành lâm sàng.

III. Ứng dụng lâm sàng ở người lớn và thách thức thích ứng trong bối cảnh văn hóa Việt Nam

Khi chuyển sang lĩnh vực tâm thần người lớn, trọng tâm đánh giá trí tuệ dịch chuyển sang việc xác định mức độ chức năng nhận thức hiện tại và phân biệt suy giảm nhận thức mắc phải (Acquired Cognitive Impairment) với mức độ nền (Premorbid Functioning). Thang đo Trí tuệ Wechsler dành cho Người lớn, Phiên bản

thứ Tư (WAIS-IV) là công cụ chủ đạo. Cấu trúc 4 chỉ số cốt lõi của WAIS-IV (VCI, PRI, WMI, PSI) cho phép nhà lâm sàng phân tích hồ sơ nhận thức để gợi ý các bệnh lý thần kinh hoặc tâm thần cụ thể. Ví dụ, sự suy giảm cục bộ ở WMI và PSI nhưng VCI vẫn được duy trì thường gặp ở các rối loạn tâm thần nặng (ví dụ: Tâm thần phân liệt, Rối loạn lưỡng cực) hoặc các giai đoạn sớm của suy giảm nhận thức nhẹ (MCI). Ngược lại, RAVEN được sử dụng như một thước đo "giá trị tham chiếu" (Hold Measure). Sự khác biệt giữa Gf ổn định (được đo bởi RAVEN) và các chỉ số WAIS-IV khác bị giảm sút có thể giúp ước tính mức độ trí tuệ trước khi bệnh lý khởi phát, một yếu tố quan trọng trong chẩn đoán sa sút trí tuệ.

Tuy nhiên, việc áp dụng các thang đo quốc tế vào môi trường tâm thần Việt Nam phải đối mặt với những thách thức đáng kể về chuẩn hóa văn hóa và ngôn ngữ. Dù các phiên bản thích ứng của WISC/WAIS đã được sử dụng tại các trung tâm lớn, tính hợp lệ của các chỉ số Trí tuệ Kết tinh (Gc) (ví dụ: VCI) vẫn bị ảnh hưởng bởi sự khác biệt về nội dung kiến thức, hệ thống giáo dục và bối cảnh xã hội. Chi phí cao và sự phức tạp trong quản lý, tính diêm của các công cụ này cũng giới hạn khả năng tiếp cận rộng rãi. Do đó, trong thực tế lâm sàng tại Việt Nam, các chuyên gia thường áp dụng những chiến lược thích ứng: (1) Tăng cường tập trung vào RAVEN như là thước đo đáng tin cậy nhất về Gf cốt lõi, vốn ít bị ảnh hưởng văn hóa; (2) Sử dụng WISC/WAIS nhưng tập trung phân tích sự khác biệt giữa các chỉ số (ví dụ: so sánh FRI với VCI, WMI với PSI) để tránh đánh giá thấp tiềm năng nhận thức thực sự do rào cản ngôn ngữ. (3) Sử dụng Denver II như công cụ sàng lọc cơ bản ở các phòng khám nhi và cộng đồng. Để cải thiện chất lượng đánh giá, cần có các nỗ lực nghiên cứu cấp quốc gia để chuẩn hóa chính thức các thang đo này hoặc phát triển các công cụ đánh giá trí tuệ được thiết kế riêng cho bối cảnh văn hóa Việt Nam, tăng cường đào tạo chuyên sâu về diễn giải hồ sơ nhận thức để loại trừ các yếu tố nhiễu ngoại lai.

Tài liệu Tham khảo (Citations)

1. Weiss, L. G., Tulskey, D. S., Zhu, J., & Chen, H. Y. (2016). Clinical Utility of the WISC-V in a Clinical Sample. *Journal of Psychoeducational Assessment, 34*(2), 160–175.
2. Das, J. P., Naglieri, J. A., & Kirby, J. R. (2018). *Assessment of cognitive processes: The PASS theory of intelligence*. Springer.
3. Raven, J. (2000). The Raven's Progressive Matrices: Change and stability over the years. *Journal of Clinical Psychology, 56*(9), 1183–1200.
4. Frankenburg, W. K., Dodds, J., Archer, P., Shapiro, H., & Thompson, H. (1992). The Denver II: A major revision and restandardization of the Denver Developmental Screening Test. *Pediatrics, 89*(1), 91-97.
5. Schrank, F. A., McGrew, K. S., & Mather, N. (2014). *Woodcock-Johnson IV Technical Manual*. Houghton Mifflin Harcourt.

6. Flanagan, D. P., & Kaufman, A. S. (2009). *Essentials of WISC-IV assessment*. John Wiley & Sons.

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP CÁC THANG ĐO TRÍ TUỆ

Bảng dưới đây tóm tắt các đặc điểm cốt lõi của các thang đo trí tuệ và phát triển được phân tích trong bài luận, nhấn mạnh vào đối tượng, cơ sở lý thuyết và mục tiêu lâm sàng của từng công cụ.

Tên Thang Đo (Phiên Bản)	Đối Tượng Chính	Cơ Sở Lý Thuyết/Mục Tiêu Cốt Lõi	Tính Chất Lâm Sàng
WISC-V (Wechsler)	Trẻ em & Vị thành niên (6 - 16 tuổi)	Mô hình CHC (5 Chỉ số: VCI, FRI, VSI, WMI, PSI).	Chẩn đoán Tiêu chuẩn Vàng. Đánh giá IQ tổng thể và hồ sơ nhận thức đa diện.
WAIS-IV (Wechsler)	Người lớn (16 - 90 tuổi)	Mô hình CHC (4 Chỉ số: VCI, PRI, WMI, PSI).	Chẩn đoán Chức năng Nhận thức. Phân tích suy giảm nhận thức mắc phải và mức độ nền.
WJ IV COG (Woodcock-Johnson)	Trẻ em, Vị thành niên & Người lớn	Lý thuyết CHC chuyên sâu (đo lường 7-9 khả năng phổ rộng).	Chẩn đoán Học tập Chuyên biệt. Liên kết chặt chẽ với đánh giá thành tích.
CAS2 (Cognitive Assessment System)	Trẻ em & Vị thành niên	Mô hình PASS (Planning, Attention, Simultaneous, Successive).	Chẩn đoán Quá trình Xử lý. Nhạy cảm với Rối loạn Học tập và ADHD (Chức năng Điều hành).
RAVEN (Matrices)	Trẻ em, Vị thành niên & Người lớn	Trí tuệ Lỏng (Gf) thuần túy.	Sàng lọc và Thước đo Tham chiếu. Phi ngôn ngữ, độc lập văn hóa.
NEMI-2 (Phi Ngôn ngữ Đa chiều)	Trẻ em, Vị thành niên & Người lớn	Trí tuệ phi ngôn ngữ, Lý luận tri giác.	Bổ sung/Thay thế. Dùng cho trẻ có rào cản ngôn ngữ hoặc rối loạn ngôn ngữ.
Denver II (Sàng lọc Phát triển)	Trẻ nhỏ (Sơ sinh – 6 tuổi)	Đánh giá sự đạt được các mốc phát triển.	Sàng lọc cửa ngõ. Xác định sớm nguy cơ chậm phát triển, không phải công cụ chẩn đoán IQ.

Chú thích Thuật ngữ:

- **CHC:** Cattell-Horn-Carroll, mô hình cấu trúc trí tuệ phân cấp.
- **PASS:** Planning, Attention, Simultaneous, Successive, mô hình xử lý nhận thức.
- **Gf:** Trí tuệ Lỏng (Fluid Intelligence) - khả năng suy luận logic mới.
- **Gc:** Trí tuệ Kết tinh (Crystallized Intelligence) - vốn kiến thức và ngôn ngữ.

Tác giả bài viết: Huỳnh Ngọc Lan Vy